

Bản án số: 01/2025/HC-ST
Ngày 18 - 6 - 2025
V/v khởi kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn

Ông Vũ Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2024/TLST-HC ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc “Khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HC ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Hồng Văn Đ, sinh năm 1955 và bà Võ Thị T, sinh năm 1962. Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Người đại diện hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Hồng Văn C, sinh năm 1979, theo văn bản ủy quyền ngày 20/6/2024, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trương Thanh Q là Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (có mặt).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau. Địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn D (vắng mặt).

2. Bà Phan Thị T1 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện người khởi kiện trình bày:

Tại đơn yêu cầu về việc tự ý cất nhà trên phần đất gia đình, lập ngày 22/12/2023 của ông C có nội dung “Gia đình tôi có phần đất tọa lạc ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau. Năm 1997, Nhà nước thu hồi một phần đất gia đình tôi để thực hiện dự án đê Biển T, diện tích bị thu hồi là 1.440m² (chiều ngang 36m x chiều dài 40m), lợi dụng đất gia đình tôi bị thu hồi, nên phía ông D và bà T1 cho rằng gia đình tôi không còn đất, nên đến lấn chiếm phần đất còn lại của gia đình tôi và cất nhà tiền chế (căn nhà chiều ngang 12m x chiều dài 10m). Chúng tôi đã rất nhiều lần yêu cầu ông D và bà T1 tháo dỡ di dời nhưng không thực hiện”.

Để làm cơ sở cho việc diện tích đất này không liên quan đến diện tích đất bị cơ quan chức năng thu hồi năm 1997, gia đình ông đi trích lục thông tin địa chính tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C thì được thông tin rằng diện tích đất mà ông D và bà T1 đang lấn chiếm và cất nhà vẫn còn nằm trong quyền sử dụng đất đứng tên Hồng V Để năm 1994. Phần đất có vị trí hiện trạng tại thửa 247 có chiều ngang 38,16m, chiều dài 72m. Tứ cận tiếp giáp như sau: Phía đông giáp đất ông Hồng Văn Đ, phía tây giáp đất bà Phan Thị G, phía nam giáp đất ông Hồng Văn Đ1 và phía bắc giáp Kênh 50.

Qua thông tin địa chính nêu trên thì diện tích đất mà ông D và bà T1 đang lấn chiếm và cất nhà không phải là nằm trong diện tích 1.440m² bị thu hồi năm 1997 mà vẫn còn nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994 đứng tên Hồ N Để. Thế nhưng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau không tiến hành tổ chức phiên hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai, cụ thể:

Tại Công văn số 16/UBND ngày 29/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N kết luận: “...phần nhà của ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị T1 xây dựng nhà trên đất đã được Nhà nước thu hồi thực hiện dự án Đê Biển T, hộ ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị T1 xây dựng nhà trái phép trên đất Nhà nước đã thu hồi ...”.

Tại Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Hồng Văn C, Quyết định tại Điều 01: “Giữ nguyên Công văn số 16/UBND ngày 29/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N về việc trả lời đơn yêu cầu của ông Hồng Văn C”.

Từ việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N ban hành Công văn số 16 và Quyết định số 02 nêu trên và hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N không tiến hành tổ chức phiên hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai là vi phạm 02 vấn đề sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N ban hành Công văn số 16 và Quyết định số 02 là không có căn cứ pháp luật.

- Hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N không tiến hành tổ chức phiên hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà T, ông Đ với ông D và bà T1 là vi phạm quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

khi thực thi công vụ Nhà nước được quy định tại Điều 202 của Luật đất đai 2013.

Từ hành vi sai phạm trên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Nay bà T, ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Công văn số 16/UBND ngày 29/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Hủy Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N thực thi công vụ Nhà nước theo quy định pháp luật: tiến hành tổ chức phiên hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Hồng Văn Đ1 và bà Võ Thị T với ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị T1 theo quy định tại Điều 202 của Luật đất đai 2013.

Quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì đối với yêu cầu của người khởi kiện, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục được quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Bà T, ông Đ khởi kiện đối với hành vi hành chính và yêu cầu hủy các quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, đây là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 Luật Tố tụng hành chính.

Thời hiệu khởi kiện là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, tính từ ngày người khởi kiện biết được hành vi hành chính và nhận quyết định hành chính cho đến khi khởi kiện thì thời hiệu

khởi kiện vẫn còn theo quy định điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về nội dung:

Ngày 22/12/2023 ông C là người đại diện hợp pháp của bà T, ông Đ có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã N, huyện P hòa giải tranh chấp đất đai về việc ông Đ, bà T yêu cầu ông D, bà T1 tháo dỡ nhà trả lại đất.

Ngày 29/01/2024 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện P ban hành Công văn số 16/UBND ngày 29/01/2024 về việc trả lời đơn yêu cầu của ông Hồng Văn C, trong đó thể hiện nội dung phần đất ông C đang yêu cầu đã được nhà nước thu hồi để thực hiện dự án đê Biên Tây.

Ngày 22/02/2024 ông C có đơn khiếu nại nội dung Công văn số 16/UBND ngày 29/01/2024.

Ngày 06/5/2024 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện P ban hành Quyết định số 02/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Hồng Văn C với nội dung: Giữ nguyên Công văn số 16/UBND ngày 29/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N về việc trả lời đơn yêu cầu của ông C.

Từ nội dung 02 văn bản nêu trên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện P không tiến hành hòa giải theo yêu cầu của bà T, ông Đ nên ông, bà khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông C cho rằng ông D, bà T1 cất nhà trên đất của gia đình ông nên ông có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã N, huyện P giải quyết, vụ việc được xác định là tranh chấp đất đai thuộc trường hợp phải hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Theo quy định tại khoản 2, 3 và khoản 4 Điều 202 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

“2. Tranh chấp đất đai mà các bên tranh chấp không hòa giải được thì gửi đơn đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp để hòa giải.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức việc hòa giải tranh chấp đất đai tại địa phương mình...

4. Việc hòa giải phải được lập thành biên bản có chữ ký của các bên và có xác nhận hòa giải thành hoặc không thành của Ủy ban nhân dân cấp xã.”

Tại Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013 quy định về thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai, trong đó quy định cụ thể trình tự thủ tục hòa giải và giải quyết tranh chấp đất đai của Ủy ban nhân dân cấp xã khi nhận được đơn yêu cầu.

Đối chiếu với các quy định trên thì thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân cấp xã là bắt buộc trong vụ việc tranh chấp đất đai, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N không tiến hành hòa giải và ban hành các văn bản số 16/UBND ngày 29/01/2024, Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 là chưa đúng quy định pháp luật, đồng thời tại các văn bản nêu trên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N

xác định phần đất mà ông Đ, bà T yêu cầu ông D, bà T1 trả lại là đất đã được nhà nước thu hồi để thực hiện dự án đê biển Tây năm 1997, từ đó không tiến hành hòa giải là không đúng thẩm quyền về giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định tại Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện P thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định pháp luật, hủy Công văn số 16/UBND ngày 29/01/2024 và Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện P.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện như nhận định và phân tích trên.

[6] Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Người bị kiện phải chịu 300.000 đồng.
- Người khởi kiện được miễn dự nộp do thuộc trường hợp là người cao tuổi.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 206, khoản 3 Điều 158, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 202, 203 Luật Đất đai năm 2013, Điều 88 Nghị định 143 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồng Văn Đ và bà Võ Thị Tam .

Tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau là trái pháp luật. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau phải thực hiện nhiệm vụ công vụ tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai giữa ông Hồng Văn Đ và bà Võ Thị T với ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị T1 theo quy định pháp luật.

Hủy Công văn số 16/UBND ngày 29/01/2024 và Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

